Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8435.10.20

Mã HS	8435.10.20
Mô tả hàng hóa	Máy ép, máy nghiền và các loại máy tương tự dùng trong sản xuất rượu vang, rượu táo, nước trái cây hoặc các loại đồ uống tương tự / - Máy: / - - Không hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	06/11/2026 01:04:28
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84351020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13766
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13766
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13766
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13073
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13014
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13014
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13014
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13014
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13014
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13014
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13068
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13068

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13068
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13068
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13068
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13068
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13069
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13069
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13069
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13069
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13069
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13069
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13072
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13020
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13028
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13028
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13028
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13028
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13028
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13028
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13059
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13059
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13059
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13059
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13059
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13059
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13108
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13108

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13108
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13108
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13108
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13108
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13091
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13091
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13091
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13091
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13091
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13091
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13091
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13091
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13091
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13091
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13091
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13091
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13106
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13106
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13106
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13106
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13106
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13106
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13105
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13105
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13105
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13105

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13105
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13105
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13085
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13085
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13085
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13085
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13085
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13085
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13085
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13093
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13093
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13093
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13093
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13093
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13093
RCEP B	2022	2022	0	B!D13093
RCEP B	2023	2023	0	B!E13093
RCEP B	2024	2024	0	B!F13093
RCEP B	2025	2025	0	B!G13093
RCEP B	2026	2026	0	B!H13093
RCEP B	2027	2027	0	B!I13093
RCEP C	2022	2022	0	C!D13093
RCEP C	2023	2023	0	C!E13093
RCEP C	2024	2024	0	C!F13093
RCEP C	2025	2025	0	C!G13093
RCEP C	2026	2026	0	C!H13093

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13093
RCEP D	2022	2022	0	D!D13092
RCEP D	2023	2023	0	D!E13092
RCEP D	2024	2024	0	D!F13092
RCEP D	2025	2025	0	D!G13092
RCEP D	2026	2026	0	D!H13092
RCEP D	2027	2027	0	D!I13092
RCEP E	2022	2022	0	E!D13096
RCEP E	2023	2023	0	E!E13096
RCEP E	2024	2024	0	E!F13096
RCEP E	2025	2025	0	E!G13096
RCEP E	2026	2026	0	E!H13096
RCEP E	2027	2027	0	E!I13096
RCEP F	2022	2022	0	F!D13093
RCEP F	2023	2023	0	F!E13093
RCEP F	2024	2024	0	F!F13093
RCEP F	2025	2025	0	F!G13093
RCEP F	2026	2026	0	F!H13093
RCEP F	2027	2027	0	F!I13093
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12144
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12144
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12144
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12144

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8435.10 có 2 dòng thuế; dòng 8435.10.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Không hoạt động bằng điện.	8435.10.10 Hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8435.10.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8435.10.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13766), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.